

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Quyết định này bãi bỏ nội dung về công bố các thủ tục hành chính có mã như sau: 1.001660, 1.001644, 1.001579, 1.001559 được công bố tại Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 07/5/2018; 2.000055, 1.000149 được công bố tại Quyết định số 2621/QĐ-NHNN ngày 12/12/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *✓*

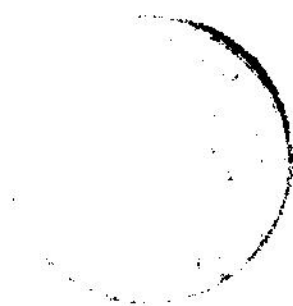
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-VPCP (để p/h);
- Lưu: VP, TTGSNH3. *m*

16 **THỐNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TẠI BỘ
PHẦN MỘT CỦA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2562~~ /QĐ-NHNN ngày 11 tháng 10 năm 2019
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam					
1	1.001660	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã	Thông tư số 21/2019/TT- NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng
2	1.001644	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng hợp tác xã	Thông tư số 21/2019/TT- NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố					
1	1.001986	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động,	Thông tư số 19/2019/TT- NHNN ngày 05/11/2019 quy	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

		giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, của tổ chức tài chính vi mô	định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.		
2	2.000055	Thủ tục cấp giấy phép thành lập quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 21/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
3	1.001579	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 21/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
4	1.001559	Thủ tục đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân	Thông tư số 21/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam						
1	1.000201	Thủ tục mở chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng
			Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố						
2	1.002002	Thủ tục gia hạn thời gian khai trương hoạt động chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

3	2.000093	Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ khác địa bàn tỉnh, thành phố	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
4	1.001965	Thủ tục Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố				

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1	1.001974	Thủ tục mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của tổ chức tài chính quy mô nhỏ cùng địa bàn tỉnh, thành phố	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.
2	1.001330	Thủ tục thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ	Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.
3	1.000149	Thủ tục thay đổi địa bàn hoạt động của	Thông tư số 21/2019/TT-	Thành lập và hoạt động	Cơ quan Thanh tra, giám sát

		quỹ tín dụng nhân dân do chia, tách địa giới hành chính kể từ ngày 01/6/2015.	NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ	động ngân hàng	ngân hàng
--	--	---	--	----------------	-----------

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ngân hàng hợp tác xã lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã bổ sung hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

(i) Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ;

(ii) Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ. Ngân hàng hợp tác xã chỉ được thực hiện phương án giảm vốn điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

(iii) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng hợp tác xã phải thực hiện giảm vốn điều lệ và gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo đã hoàn tất việc giảm vốn điều lệ. Quá thời hạn này, ngân hàng hợp tác xã không thực hiện giảm vốn điều lệ, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực.

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã.

1.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

1.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ hiện tại;

(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do và sự cần thiết của việc thay đổi mức vốn điều lệ;

b) Phương án tăng mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ;

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên (nếu có);

c) Phương án giảm mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

(i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (nếu có);

(ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên;

(iii) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn điều lệ;

d) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi mức vốn điều lệ. Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn điều lệ, mức vốn điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã;

đ) Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo Phụ lục số 01a (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi bổ sung) có xác nhận của ngân hàng hợp tác xã;

e) Nghị quyết của Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho thành viên ra khỏi ngân hàng hợp tác xã; quyết định khai trừ thành viên.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ); 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ (đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ).

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng hợp tác xã

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

1.9. Lệ phí: 70.000.000 đồng

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Phụ lục số 01a.*

1.11. Yêu cầu, điều kiện: Không

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

+ *Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01a

Mẫu danh sách kê khai thành viên góp vốn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ DỰ KIẾN ĐƯỢC HOÀN TRẢ
VỐN TRONG NĂM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

1. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vốn góp xác lập tư cách thành viên		Vốn góp bổ sung		Tổng
			Số tiền	Thời điểm góp	Số tiền	Thời điểm góp	

2. Danh sách thành viên dự kiến được hoàn trả vốn

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng số vốn góp (Số tiền)	Số vốn dự kiến hoàn trả (Số tiền)	Số vốn góp còn lại dự kiến (Số tiền)

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Thủ tục đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng hợp tác xã

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ngân hàng hợp tác xã lập hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng hợp tác xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến của ngân hàng hợp tác xã.

2.2. Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính).

2.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của ngân hàng hợp tác xã đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;

b) Danh sách nhân sự dự kiến gồm: họ và tên, chức danh hiện tại (nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm tại ngân hàng hợp tác xã;

c) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm. Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát;

d) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, Điều kiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng hợp tác xã.

3. Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa).

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng hợp tác xã nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

6. Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng hợp tác xã.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

2.9. Lệ phí: Không

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Thông tư 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

2.11. Yêu cầu, điều kiện: Không

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

+ *Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

Phụ lục số 01
Mẫu sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh
- Họ và tên thường gọi
- Bí danh
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và địa chỉ cư trú hiện nay
- Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu còn thời hạn); Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu còn thời hạn)
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện. Trường hợp là người được cử làm đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại ngân hàng hợp tác xã, phải có thêm thông tin về tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp	Ghi chú ⁽³⁾

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh ... tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã;
- Thông báo cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của (tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã);
- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm
Người **khai**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

1. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

2. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

3. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng;

(ii) Nhiệm vụ được giao tại đơn vị công tác.

4. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung.

5. Ghi cụ thể: đầy đủ/không đầy đủ/mất năng lực hành vi dân sự.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Số/ngày CMND hoặc CCCD ⁽¹⁾ / Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Chức vụ tại TCTD là HTX ⁽²⁾	Tỷ lệ góp vốn tại TCTD là HTX ⁽³⁾
I	Người kê khai				
1	Nguyễn Văn A		Người khai		
...					
II.	Người có liên quan				
1.	Nguyễn Thị B		Vợ		
...					

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai kê khai đầy đủ nội dung các cột. Trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

(2) Chức vụ tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(3) Tỷ lệ vốn góp (đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình) hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện (đối với thành viên là pháp nhân) tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

3. Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

Bước 3. Ngân hàng Nhà nước gửi xin ý kiến các đơn vị liên quan:

- Đối với đề nghị thành lập chi nhánh, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

+ Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;

+ Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô.

- Đối với đề nghị thành lập phòng giao dịch, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

Bước 4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 5 Điều 15 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tổ chức tài chính vi mô thành lập chi nhánh, phòng giao dịch.

Bước 5. Trong thời hạn 60 ngày (đối với đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có

văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 7 Điều 15 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

3.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

3.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch theo mẫu tại Phụ lục Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch;

- Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở, nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

c) Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);

d) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu); đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

- Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN trừ tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.5. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch tổ chức tài chính vi mô.

3.9. Lệ phí: 100.000 đồng

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

3.11. Yêu cầu, điều kiện:

a) Điều kiện thành lập chi nhánh:

(i) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 03 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định;

- Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

- Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

- Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

- Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

(ii) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 02 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Đáp ứng các quy định: Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

- Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

- Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

- Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

b) Điều kiện thành lập phòng giao dịch

(i) Đáp ứng các điều kiện:

- Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định;

- Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

- Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

- Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

(ii) Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước năm đề nghị và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

- Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Tên chi nhánh:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Tên phòng giao dịch:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

2.3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh:

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính nămđã được kiểm toán độc lập:

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 nămlà....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		

...		
-----	--	--

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.8. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm...là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm...là...%

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

2.5. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

2.6. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.7. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là...

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm ...đã được kiểm toán độc lập là....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm ...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm....là....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		

...		
-----	--	--

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh Tổng giám đốc và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3. Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.3. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.5. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**²⁶
(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)

4. Thủ tục đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

Bước 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tổ chức tài chính vi mô thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Bước 4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực.

4.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

4.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu tại Phụ lục Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

- Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

b) Lý do thành lập;

c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các nhân sự chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động.

- Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điều 13 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.5. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp tổ chức tài chính vi mô.

4.9. Lệ phí: 100.000 đồng

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

4.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

- Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định;

- Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

- Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị;

- Có đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI
MÔ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....
Số:.....

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Tên chi nhánh:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Tên phòng giao dịch:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

2.3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch.

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh:

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính nămđã được kiểm toán độc lập:

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 nămlà....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
-----	-----------	----------------------------------

1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.8. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là....

2. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm...là.....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm...là...%

2.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

2.5. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liên kế trước thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:...

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

2.6. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.7. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng chi nhánh hiện có:.....

- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập:.....

- Giá trị thực của Vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ...là...

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2 Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính năm ...đã được kiểm toán độc lập là....

- Kết quả kinh doanh tại thời điểm.....là.....(trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.5. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm ...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

1.6. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		

...		
-----	--	--

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh Tổng giám đốc và lý do).

1.7. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2. Điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch:

2.1. Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Ngày khai trương hoạt động chi nhánh:.....

- Thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm...là....%

- Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm.....là.....%

2.3. Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý:....

- Số lượng phòng giao dịch dự kiến chi nhánh sẽ quản lý:

C. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1.1. Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm.....là....

- Mức vốn pháp định quy định hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô:.....

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.3. Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại thời điểm.....là.....%;

- Tỷ lệ khả năng chi trả tại thời điểm.....là.....%;

1.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1.		
2.		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:.....

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

(Trường hợp khuyết chức danh Tổng giám đốc/Giám đốc: Đề nghị nêu rõ thời điểm khuyết chức danh và lý do).

1.5. Có Đề án thành lập theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

III. Người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ này.

- Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.

Đính kèm hồ sơ

(Ghi danh mục tài liệu đính kèm)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

(Ký, ghi rõ tên, chức danh và đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Thủ tục thông báo khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Tổ chức tài chính vi mô

1.1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức tài chính vi mô phải gửi Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch; văn bản thông báo về ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động.

Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô khai trương hoạt động cùng thời điểm khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

- Các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận về mạng lưới hoạt động; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Phương án xử lý để đảm bảo chấm dứt hoạt động của các đơn vị không khai trương hoạt động trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày hết hạn khai trương hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

1.2. Cách thức thực hiện:

- + Trực sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

1.3. Thành phần hồ sơ:

- + Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch;
- + Văn bản thông báo về ngày dự kiến khai trương hoạt động.

1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

1.7. Lệ phí: Không

1.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.9. Yêu cầu, điều kiện:

- *Đối với khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch* (bao gồm cả chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép

trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô):

a) Đã đăng ký hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định của pháp luật và công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN;

b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch;

c) Có kho tiền hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

d) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê;

đ) Có đủ nhân sự chủ chốt tối thiểu, gồm: Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Trưởng phòng giao dịch đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô;

g) Có Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN.

- Đối với khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô) khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp khai trương hoạt động văn phòng đại diện);

b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Có nhân sự chủ chốt theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô.

1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

2. Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Bước 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng yêu cầu quy định chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

Bước 4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận; quá thời hạn này mà không hoạt động tại địa điểm mới thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

2.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

2.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch.

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

2.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.

2.9. Lệ phí: Không

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.11. Yêu cầu, điều kiện:

- Phạm vi địa bàn phải đảm bảo đáp ứng quy định: (i) Chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô hoạt động trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh; (ii) Phòng giao dịch hoạt động trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý.

- Địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu: (i) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; (ii) Có kho tiền hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô; (iii) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê;

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

3. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

Bước 2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 19/2019/TT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản thông báo tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

Bước 4. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

3.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

3.3. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;

- Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;

- Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể.

3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.5 Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tài chính vi mô.

3.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Tổ chức tài chính vi mô.

3.9. Lệ phí: Không.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.11. Yêu cầu, điều kiện: Không.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

4. Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân

4.1. Trình tự thực hiện:

4.1.1. Chấp thuận nguyên tắc việc thành lập:

- Bước 1: Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:*

(i) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

- Bước 4: *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác định đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối.*

- Bước 5: *Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.*

- Bước 6: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh: Ban trụ bị tổ chức Đại hội thành lập và lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định gửi Ngân hàng Nhà

nước chi nhánh. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

4.1.2. Cấp Giấy phép:

- Bước 1: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các hồ sơ quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Bước 2: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

4.3. Thành phần hồ sơ:

4.3.1. Hồ sơ chấp thuận nguyên tắc:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trụ bị ký theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015.

+ Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua.

+ Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015;

c) Cơ cấu tổ chức;

d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;

g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

+ Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.

+ Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 04 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Lý lịch tư pháp do Sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

đ) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và quy định tại Điều 20, Điều 23, Điều 24 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015.

+ Danh sách các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Danh sách phải được tất cả thành viên tham gia góp vốn ký xác nhận, có tối thiểu các nội dung sau:

a) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

b) Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân); Số sổ hộ khẩu (đối với thành viên là hộ gia đình); số Giấy đăng ký kinh doanh (đối với thành viên là pháp nhân);

c) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện của pháp nhân, hộ gia đình). Đối với thành viên là cán bộ, công chức phải có thêm giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng của cơ quan, đơn vị tuyển dụng.

+ Bản sao sổ hộ khẩu (đối với thành viên là hộ gia đình).

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với thành viên là pháp nhân).

+ Văn bản ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn.

+ Văn bản ủy quyền của hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn.

+ Báo cáo tài chính năm liền kề năm đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất nhưng không quá 90 ngày trở về trước tính từ thời điểm ký đơn đề nghị cấp Giấy phép (đối với thành viên là pháp nhân).

+ Báo cáo khả năng tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân theo quy định tại Phụ lục số 06 Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015.

+ Đơn đề nghị tham gia thành viên theo mẫu tại Phụ lục số 02A, Phụ lục số 02B, Phụ lục số 03 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015.

+ Biên bản Hội nghị thành lập.

4.3.2. Hồ sơ cấp phép thành lập:

+ Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đã được Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Biên bản họp Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

+ Nghị quyết của Đại hội thành lập về việc thông qua Điều lệ, bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận; Nghị quyết của Đại hội thành lập thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phải được các thành viên tham dự Đại hội thành lập biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số.

+ Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân về việc bổ nhiệm Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận.

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt trụ sở chính.

4.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.5. Thời hạn giải quyết: 180 (một trăm tám mươi) ngày làm việc.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân.

4.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân.

4.9. Lệ phí: 200.000 đồng

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập QTDND (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN);

- + Đơn tham gia thành viên (đối với cá nhân) (theo Phụ lục số 02A ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN);
- + Đơn tham gia thành viên (đối với hộ gia đình) (theo Phụ lục số 02B ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN);
- + Đơn đề nghị tham gia thành viên (đối với pháp nhân) (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN).
- + Sơ yếu lý lịch (theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN);
- + Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân (theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-NHNN).

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép;
- + Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng điều kiện để trở thành thành viên và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập;
- + *Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 20, Điều 23 và Điều 24 Thông tư 04/2015/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.*
- + *Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư 04/2015/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2017/TT-NHNN và Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.*
- + Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- + Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.
- + Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05 tháng 7 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23 tháng 01 năm 2014 quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân.
- + *Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập hoạt động quỹ tín dụng nhân dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc

Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN**

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân;

Căn cứ Biên bản Hội nghị thành lập quỹ tín dụng nhân dân ...ngày... tháng...năm.....;

Ban trụ bị thành lập quỹ tín dụng nhân dân..... đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân với các nội dung sau đây:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân :

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax:

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung, phạm vi hoạt động:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân.

TRƯỞNG BAN TRÙ BỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu đơn tham gia thành viên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với cá nhân)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân.....

1. Cá nhân đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:
- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân..... và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin được đăng ký tham gia là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân.....với số tiền góp vốn là.....đồng.

2. Cam kết

Tôi xin cam kết:

- a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của quỹ tín dụng nhân dân.....;
- b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định.

Người đề nghị tham gia thành viên

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu đơn tham gia thành viên đối với hộ gia đình

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với hộ gia đình)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân...

1. Cá nhân đại diện hộ gia đình đề nghị tham gia thành viên

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, ngày cấp, nơi cấp:
- Nghề nghiệp, nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Số hộ khẩu:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân..... và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi được các thành viên trong hộ gia đình cử làm đại diện đăng ký tham gia làm thành viên của quỹ tín dụng nhân dân..... với số tiền góp vốn là.....đồng.

2. Cam kết

Chúng tôi xin cam kết:

- a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của quỹ tín dụng nhân dân.....;
- b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm theo quy định.

(Đính kèm văn bản ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình)

Người đại diện hộ gia đình

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Mẫu đơn tham gia thành viên đối với pháp nhân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA THÀNH VIÊN

(Đối với pháp nhân)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân.....

1. Pháp nhân đề nghị tham gia thành viên

- Tên pháp nhân (tên đầy đủ, tên giao dịch nếu có, ghi bằng chữ in hoa):.....
- Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do... cấp ngày.... tháng.....năm.....

- Vốn điều lệ:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Số điện thoại:.....Số Fax:.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).....

- Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Quốc tịch:.....

- Nơi ở hiện nay:.....

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

- Số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:...

- Chức vụ đang đảm nhiệm:.....

- Số điện thoại:.....

3. Người đại diện theo ủy quyền tại Quỹ tín dụng nhân dân

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa).....

- Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Quốc tịch:.....

- Nơi ở hiện nay:.....

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

- Số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:.....

- Chức vụ đang đảm nhiệm:.....

- Số điện thoại:.....

4. Số vốn góp, nắm giữ cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp mà pháp nhân đang có vốn góp, nắm giữ cổ phần:.....

- Số vốn góp, nắm giữ cổ phần; tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức, doanh nghiệp đó:.....

Sau khi nghiên cứu Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân..... và các quy định của pháp luật có liên quan, (tên pháp nhân) đăng ký tham gia làm thành viên quỹ tín dụng nhân dân..... với số tiền góp vốn là.....đồng.

6. Cam kết

a) Góp đủ vốn đã đăng ký và góp vốn đúng thời hạn theo quy định của quỹ tín dụng nhân dân.....;

b) Có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Không sử dụng vốn ủy thác, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của vốn góp vào quỹ tín dụng nhân dân;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

Sơ yếu lý lịch

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh màu
(4x6) đóng dấu
giáp lai của cơ
quan xác nhận
lý lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

- a) Họ và tên khai sinh:
- b) Họ và tên thường gọi:
- c) Bí danh:
- d) Ngày, tháng, năm sinh:
- đ) Nơi sinh:
- e) Quốc tịch:
 - (i) Quốc tịch gốc:
 - (ii) Các quốc tịch hiện nay:
- g) Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
- h) Địa chỉ theo Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu):
- i) Địa chỉ cư trú hiện nay:
- k) Số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cấp, ngày cấp:
- l) Tên và địa chỉ pháp nhân; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp là người đại diện vốn góp của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn:

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khoá học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác:

- a) Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.
- b) Các chức vụ đã đảm nhiệm tại các tổ chức khác.
- c) Chức vụ dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân.
- d) Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Mối quan hệ:

a) Kê đầy đủ mối quan hệ với người có liên quan gồm: bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị em ruột (trong đó nêu rõ tên, tuổi, ngày, tháng, năm sinh, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ cư trú, nơi công tác);

b) Đối với người có liên quan của pháp nhân: ngoài việc kê khai người có liên quan của cá nhân là pháp nhân theo mục b trên đây phải kê khai đầy đủ tên, địa chỉ, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của pháp nhân; người đại diện theo pháp luật của các pháp nhân tham gia góp vốn thành lập.

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân.

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

(Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân nơi đăng
ký hộ khẩu thường trú (hoặc cơ quan nơi
làm việc)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn quỹ tín dụng nhân dân đối với pháp nhân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015 /TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về pháp nhân:

- Tên pháp nhân:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Khả năng về tài chính để góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân:

- A: Vốn chủ sở hữu (2).
- B: Tài sản dài hạn (3) trừ đi nợ dài hạn (4).
- C: Khả năng về tài chính để góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân.....
(C = A - B)

Kết luận: Đủ khả năng tài chính góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân (chỉ kết luận này khi C tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của pháp nhân).

Ghi chú:

- (1): + Gửi Ban trụ bị (trường hợp tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân).
 + Gửi Hội đồng quản trị (trường hợp tham gia góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động).
- (2), (3), (4): Được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

5. Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Quỹ tín dụng nhân dân lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở;

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân bổ sung hồ sơ;

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

(i) Ngân hàng Nhà nước ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ;

(ii) Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ. Tổ chức quỹ tín dụng nhân dân chỉ được thực hiện phương án giảm vốn điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

(iii) Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Quỹ tín dụng nhân dân xã phải thực hiện giảm vốn điều lệ và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thông báo đã hoàn tất việc giảm vốn điều lệ. Quá thời hạn này, Quỹ tín dụng nhân dân không thực hiện giảm vốn điều lệ, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hết hiệu lực.

- Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.

5.2. Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính)

5.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ hiện tại;

(ii) Mức vốn điều lệ dự kiến thay đổi;

(iii) Lý do và sự cần thiết của việc thay đổi mức vốn điều lệ;

b) Phương án tăng mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:

- (i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ;
- (ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên (nếu có);
- c) Phương án giảm mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:
 - (i) Nguồn sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (nếu có);
 - (ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên;
 - (iii) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn điều lệ;
- d) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi mức vốn điều lệ. Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn điều lệ, mức vốn điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;
- đ) Danh sách thành viên góp vốn và dự kiến được hoàn trả vốn trong năm theo Phụ lục số 01a (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung) có xác nhận của quỹ tín dụng nhân dân;
- e) Nghị quyết của Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho thành viên ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân; quyết định khai trừ thành viên.

5.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.5. Thời hạn giải quyết:

+ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp tăng mức vốn điều lệ);

+ 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hoàn tất việc giảm vốn điều lệ (đối với trường hợp giảm mức vốn điều lệ).

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân

5.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

5.9. Lệ phí: 100.000 đồng

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục số 01a.

5.11. Yêu cầu, điều kiện: Không

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

+ Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

+ Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.

PHỤ LỤC SỐ 01a

Mẫu danh sách kê khai thành viên góp vốn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ DỰ KIẾN ĐƯỢC HOÀN TRẢ
VỐN TRONG NĂM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

1. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Vốn góp xác lập tư cách thành viên		Vốn góp bổ sung		Tổng
			Số tiền	Thời điểm góp	Số tiền	Thời điểm góp	

2. Danh sách thành viên dự kiến được hoàn trả vốn

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tổng số vốn góp (Số tiền)	Số vốn dự kiến hoàn trả (Số tiền)	Số vốn góp còn lại dự kiến (Số tiền)

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)

6. Thủ tục đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính;
- Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân.

6.2. Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận một cửa);
- + Hoạch dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;
- b) Danh sách nhân sự dự kiến gồm: họ và tên, chức danh hiện tại (nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm tại quỹ tín dụng nhân dân;
- c) *Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm. Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát;*
- d) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, Điều kiện theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Sơ yếu lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa).

Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm quỹ tín dụng nhân dân nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

5. Bản kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018.

6. Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, Điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về ngân hàng hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

6.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Quỹ tín dụng nhân dân

6.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

6.9. Lệ phí: Không

6.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Thông tư 05/2018/TT-NHNN

6.11. Yêu cầu, điều kiện: Không

6.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của quỹ tín dụng nhân dân.

+ *Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

Phụ lục số 01
Mẫu sơ yếu lý lịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh
- Họ và tên thường gọi
- Bí danh
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi sinh
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)
- Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và địa chỉ cư trú hiện nay
- Số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu còn thời hạn); Ngày, tháng, năm và nơi cấp chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu còn thời hạn)
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện. Trường hợp là người được cử làm đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại ngân hàng hợp tác xã, phải có thêm thông tin về tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp	Ghi chú ⁽³⁾

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh ... tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã;
- Thông báo cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của (tên tổ chức tín dụng là hợp tác xã);
- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tín dụng là hợp tác xã để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng là hợp tác xã về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

1. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

2. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

3. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Đơn vị theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng;

(ii) Nhiệm vụ được giao tại đơn vị công tác.

4. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm đ, h khoản 1 Điều 33 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung.

5. Ghi cụ thể: đầy đủ/không đầy đủ/mất năng lực hành vi dân sự.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Số/ngày CMND hoặc CCCD ⁽¹⁾ / Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Chức vụ tại TCTD là HTX ⁽²⁾	Tỷ lệ góp vốn tại TCTD là HTX ⁽³⁾
I	Người kê khai				
1	Nguyễn Văn A		Người khai		
...					
II.	Người có liên quan				
1.	Nguyễn Thị B		Vợ		
...					

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai kê khai đầy đủ nội dung các cột. Trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

(2) Chức vụ tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

(3) Tỷ lệ vốn góp (đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình) hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện (đối với thành viên là pháp nhân) tại tổ chức tín dụng là hợp tác xã đề nghị chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến.

